

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/01/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và bà Nguyễn Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 22/2022/TLST – HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1993; nơi đăng ký HKTT: Thôn V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1991; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

*** Những người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; đều cư trú tại: Thôn V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Đào Thị H trình bày:

*** Về hôn nhân:** Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là thị trấn B), huyện B, tỉnh Hà

Nam; trước khi cưới chúng tôi được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ chồng ở thôn V, xã M đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M có lối sống buông thả, ham chơi rượu chè suốt ngày đêm; chị góp ý thì anh M đánh chửi chị. Mặc dù được bố mẹ chồng cùng vợ con khuyên bảo, góp ý nhưng anh M vẫn không thay đổi. Do không chịu được cung cách sinh hoạt, ứng xử của anh M nên từ ngày 06/01/2022 chị đã mang con gái thứ 2 về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh M không đi tìm đón, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ đó. Trước và trong khi chị xin giấy tờ xác nhận tại thôn V và Ủy ban nhân dân thị trấn B để làm thủ tục ly hôn thì chị đã gọi điện thoại thông báo cho anh M biết nhưng anh M nói chị muốn làm thế nào thì tùy. Khi Tòa án thụ lý báo gọi hai bên, chị cũng điện thoại nói với anh M lên Tòa để giải quyết cho nhanh thì anh M nói không lên.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh M không còn, chị đề nghị TAND huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh M để ổn định cuộc sống.

*** Về con chung:** Chị Đào Thị H xác định chị và anh Nguyễn Văn M có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 11/12/2014; cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 20/5/2017. Hiện cháu D đang ở cùng anh M và ông bà nội; cháu T đang ở cùng chị và ông bà ngoại. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị được quyền nuôi dưỡng cả cháu D và cháu T vì hai cháu còn nhỏ, chị muốn hai cháu ở cùng với nhau cho có anh có em cũng như tiện chăm sóc các con; đồng thời hiện anh M thường xuyên vắng nhà nên điều kiện chăm sóc con, đưa đón con đi học là không có điều kiện bằng chị.

Chị xác định hiện chị làm công nhân may; thu nhập bình quân từ 8 đến 10 triệu đồng/tháng; chỗ ở rộng rãi. Do chỗ chị làm là xưởng may tư nhân, trả lương bằng tiền mặt nên chị không có xác nhận bảng lương nộp cho Tòa án nhưng chị cam đoan chị đủ khả năng nuôi 02 con mà không cần đến tiền cấp dưỡng nuôi con của anh M.

*** Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Văn M không chấp hành giấy triệu tập của Tòa, không tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nên không có quan điểm trình bày

[3] Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày; cụ thể: Chị đề nghị được ly hôn anh M. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả cháu Nguyễn Bảo D và cháu Nguyễn Bảo T; chị không yêu cầu anh M góp tiền cấp nuôi con cho chị. Về tài sản, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị xác định việc anh M không tham gia giải quyết việc chị kiện ly hôn tại Tòa án là cố tình nhằm gây khó khăn

cho chị trong việc ly hôn, do vậy chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc anh Mạnh vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đào Thị H Xử cho chị Đào Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 11/12/2014 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 20/5/2017 cho chị Đào Thị H nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đào Thị Hoa phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; bị đơn – anh Nguyễn Văn M đăng ký HKTT và cư trú tại thôn V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thông qua ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N là bố mẹ đẻ anh Mạnh thì anh M đã nhận được văn bản tố tụng và biết Tòa án nhân dân huyện B đã thụ lý vụ án hôn nhân gia đình do chị H khởi kiện. Tuy nhiên anh M cố tình không tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án mặc dù đã biết và được triệu tập hợp lệ vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Nguyễn Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là thị trấn B), huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ chồng ở thôn V, xã M đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M có lối sống buông thả, ham chơi rượu chè; chị H góp ý thì anh M đánh chửi chị. Mặc dù được bố mẹ chồng cùng vợ con khuyên bảo, góp ý nhưng anh M vẫn không thay đổi. Từ ngày 06/01/2022 đến nay anh chị sống ly thân.

Tại các buổi làm việc với Tòa án; ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N là bố mẹ đẻ anh M đều trình bày: Sau khi nhận Thông báo thụ lý của Tòa án thì ông bà đã giao lại cho anh M biết để đến Tòa án thì anh M nói bận công việc không lên; chị H muốn ly hôn và nuôi cả 02 con là cháu Nguyễn Bảo D và cháu Nguyễn Bảo T thì anh cũng đồng ý; các vấn đề về tài sản riêng, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau đó ông bà còn nhiều lần nhận được giấy tờ của Tòa án để chuyển cho anh M; khi đưa lại cho anh M, ông bà đều động viên anh M đến Tòa án để giải quyết nhưng anh M vẫn không đi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh M được thông báo, được triệu tập nhưng không đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc chị H kiện ly hôn. Việc làm này của anh M thể hiện sự bỏ mặc và gây khó khăn cho chị H trong việc giải quyết ly hôn. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H luôn có quan điểm mong muốn được ly hôn anh M. Xét trên thực tế anh chị đã chấm dứt cuộc sống chung nên khả năng chị H, anh M đoàn tụ về chung sống là không còn; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H; xử cho chị H ly hôn anh M là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Đào Thị H và anh Nguyễn Văn M có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 11/12/2014 và cháu Nguyễn Bảo T sinh ngày 20/5/2017; hiện cháu T đang ở với chị H và ông bà ngoại, cháu D đang ở với anh M và ông bà nội. Hội đồng xét xử thấy rằng anh M thường xuyên vắng nhà nên điều kiện chăm lo cho con là hạn chế; bên cạnh đó anh M không tham gia tố tụng để trình bày quan điểm; xét chị H tha thiết được nuôi cả 02 con để anh chị em sống cùng nhau; bản thân cháu D cũng có nguyện vọng ở với chị H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H; giao chị H nuôi cả cháu D, cháu T sau ly hôn.

Xét đề nghị của chị H không yêu cầu anh M phải góp tiền nuôi con chung là tự nguyện và mức thu nhập mà chị H cung cấp là đảm bảo cho việc nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của chị H.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H không

yêu cầu Tòa án giải quyết; anh M không tham gia tố tụng tại Tòa án để trình bày quan điểm do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị H, anh M xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Đào Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 11/12/2014 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 20/5/2017 cho chị Đào Thị H nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Chị H và các thành viên gia đình không được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D và cháu T.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đào Thị H phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2021/0000471 ngày 04/10/2022 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. (*Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B ;
- UBND thị trấn B; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)